

Name: _____

Date: ... / ... /20...

Class: S2

Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 2

Overall revision & Movers speaking practice

A. Homework

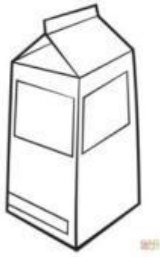
I. Fill in the blank to complete the words. There is one example.

 0. c<u>u</u>t	 1. w a _ _ e	 2. t _ _ p
 3. s h _ _ k e	 4. _ _ l a p	 5. f a _ _ l

II. Circle the correct answer. There is one example.

- | | | |
|--|--|--|
| <p>0.</p>  <p>☒ A. apple
B. banana</p> | <p>1.</p>  <p>A. orange
B. soup</p> | <p>2.</p>  <p>A. yogurt
B. carrot</p> |
|--|--|--|

3.



- A. milk
B. soup

4.



- A. orange
B. yogurt

5.



- A. soup
B. carrot

III. Name the parts of the body. There is one example.

head	leg	nose	arm	hand	tummy
------	-----	------	-----	------	-------

0. head

1. n _____

2. a _____

3. l _____



4. h _____

5. t _____

IV. Write the correct word under the picture. There is one example.

long	the Moon	the Sun	planet
------	----------	---------	--------



0. long



3. _____



1. _____



4. _____

Lưu ý 1: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển.
Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **2 dòng** để ghi nhớ.

Lưu ý 2: Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Các con nghe bài theo link sau, lưu ý không tua / chỉnh:

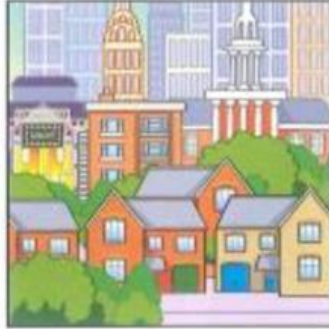
https://youtu.be/vz_NwSQWWQc?feature=shared&t=1015 (phút 16:53 đến 22:21)

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Where is Charlie's house?



A ☒



B ☐



C ☐

1 What did Anna do yesterday?



A ☐



B ☐



C ☐

2 What job does Tom's sister have?



A ☐



B ☐



C ☐

3 What did Alex do on holiday?



A ☐



B ☐



C ☐

4 How did Jill help her mum and dad?



A ☐



B ☐



C ☐

5 Which toy did Jack buy for his sister?



A ☐



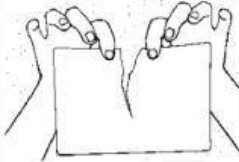
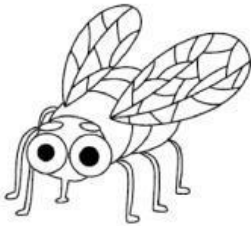
B ☐



C ☐

I. Write the correct word under the picture. There is one example.

<u>long</u>	fly	cloudy	star	cry	rip
-------------	-----	--------	------	-----	-----

 0. <u>long</u>	 3. _____
 1. _____	 4. _____
 2. _____	 5. _____

II. Circle the correct answer. There is one example.

0. That is a star / planet. 

1. We **fold** / **clap** our hands happily (một cách vui vẻ).

2. I **write** / **cut** a letter to Ben.

3. She smells the flowers with her **arm** / **nose**.

4. Danny is standing on one **foot** / **head**.

5. How's the weather today? - It's **rainy** / **field trip**.